

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH LƯU
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12/8/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU – NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nghệ

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Tùng và bà Hồ Thị Huệ.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 180/2022/TLST - HNGĐ ngày 06/6/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phan Đình T, sinh năm 1986. Có mặt.

Nơi cư trú: Xóm A, xã Quỳnh T, huyện L, tỉnh Nghệ An

Bị đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1986. Có mặt.

Nơi cư trú: Xóm A, xã Quỳnh T, huyện L, tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/5/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Phan Đình T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị L đăng ký kết hôn tại UBND xã Quỳnh T, huyện L, tỉnh Nghệ An vào ngày 07/11/2012, kết hôn có sự tìm hiểu tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường hạnh phúc. Nhưng từ năm 2019 đến nay, vợ chồng thường xuyên xảy ra rất nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị L nhiều lần chửi bới, xúc phạm danh dự của anh và bố mẹ anh. Chị L đã về bên

ngoại sinh sống, anh đã khuyên bàn, gia đình nội ngoại hai bên cũng đã hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành, vợ chồng đã sống ly thân được bốn năm. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể tiếp tục, anh xin ly hôn chị Lê Thị L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phan Đình Đ, sinh ngày 04/9/2013 hiện đang ở với anh. Ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị Lộc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 04/7/2022, biên bản lấy lời khai ngày 18/7/2022, đơn trình bày, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Lê Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị thống nhất như phần trình bày của anh T về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn và thời gian vợ chồng sống ly thân. Vợ chồng mâu thuẫn đã 10 năm nay, anh T thường xuyên chửi bới nhưng chị vẫn nhịn và tha thứ, tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn. Chị vẫn còn tình cảm với anh T và mong muốn vợ chồng tạm thời ly thân để hai bên có thời gian suy nghĩ lại, chị không đồng ý ly hôn để gia đình được đoàn tụ nuôi dạy con cái.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phan Đình Đ, sinh ngày 04/9/2013, hiện nay con đang ở với anh T. Tại bản tự khai ngày 04/7/2022, chị L trình bày nếu phải ly hôn, chị xin nuôi con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng. Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/7/2022 và tại phiên tòa chị L nhất trí giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại UBND xã Quỳnh T, huyện L, tỉnh Nghệ An: Chị Lê Thị L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm A, xã Quỳnh T, huyện L, tỉnh Nghệ An và cũng chưa đăng ký tạm trú ở nơi khác. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng như thế nào địa phương không nắm được do không qua hòa giải tại cơ sở. Nay anh T xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Từ khi thụ lý, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS 2015.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14. Đề nghị tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Về tình cảm: Cho anh Phan Đình T được ly hôn chị Lê Thị L.

Về con chung: Giao con chung là Phan Đình Đ, sinh ngày 04/9/2013 cho anh Phan Đình T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị L vì anh T chưa yêu cầu.

Về tài sản: Không ai yêu cầu nên miễn xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Anh Phan Đình T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn với chị Lê Thị L và có nguyện vọng xin nuôi con chung, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thị L có hộ khẩu thường trú tại xóm A, xã Quỳnh T, huyện L, tỉnh Nghệ An. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Phan Đình T và chị Lê Thị L là hợp pháp, tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống do tính cách, lối sống không hòa hợp nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã lẫn nhau, chị L đã bỏ về bên ngoại sinh sống. Trong thời gian ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau, không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm, thể hiện tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, không thể hàn gắn được. Tòa án đã tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ qua các phiên hòa giải nhưng anh T vẫn kiên quyết xin ly hôn, chị L không đồng ý nhưng cũng không có biện pháp gì để vợ chồng đoàn tụ. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh T và chị L đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho anh Phan Đình T được ly hôn chị Lê Thị L.

[2.2] Về con chung: Nguyên vọng xin được nuôi con của anh T là chính đáng. Việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt cũng như quyền lợi, nguyện vọng của con chưa thành niên. Từ khi ly thân cho đến nay con chung do anh T trực tiếp nuôi dưỡng vẫn đảm bảo tốt về mọi mặt. Cháu Đ có nguyện vọng được ở với bố sau khi bố mẹ ly hôn, chị L cũng đồng ý giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy cần tiếp tục giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo sự phát triển về tâm sinh lý của con chung và phù hợp với quy định pháp luật. Trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là của cả bố và mẹ, tuy nhiên anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

[2.3] Về tài sản chung: Anh Phan Đình T và chị Lê Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Đình T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Đình T được ly hôn chị Lê Thị L.

2. Về con chung: Giao con chung là Phan Đình Đ, sinh ngày 04/9/2013 cho anh Phan Đình T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị L vì anh T chưa yêu cầu.

Chị L có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Không ai yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

4. Về án phí: Anh Phan Đình T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) anh T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu theo biên lai số 0007839 ngày 03/6/2022.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thảo thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKS ND huyện Q.Lưu;
- THADS Quỳnh Lưu;
- Các đương sự;
- UBND xã Quỳnh T (ĐKKH năm 2012)
- Lưu VP, HS.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nghệ